

Kiên Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2021

Số: 579A/BC-BQL

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và xây dựng
phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Kiên Giang
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Công văn số 444/SKHĐT-THQHKH ngày 17/5/2021 về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 và nội dung Giấy mời số 293/GM-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang họp rà soát, thống nhất số liệu kinh tế - xã hội tỉnh 6 tháng đầu năm 2021

Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN

Năm 2021 tổng vốn Ban quản lý dự án thực hiện là **380.296 triệu đồng**, trong đó:

- Kế hoạch vốn 2021 là 345.234 triệu đồng đã giải ngân 17.360/345.234 triệu đồng đạt 5,03% kế hoạch năm;

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực ngành	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện giải ngân đến 04/6/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	210.000	3.476	1,66
2	Lao động thương binh và xã hội	30.000	4.460	14,87
3	Văn hóa & Thể thao	53.234	3.238	6,08
4	Du lịch	50.000	4.564	9,13

5	Sở nội vụ (Ủy thác)	2.000	1.620	81,16
	Tổng cộng	345.234	17.360	5,03

- Vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 là 35.064 triệu đồng đã giải ngân 7.460/35.064 triệu đồng đạt 21,28% trên số vốn chuyển nguồn.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực ngành	Chuyển nguồn 2019 sang 2020	Thực hiện giải ngân đến 04/6/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	26.186	7.171	27,38
2	Lao động thương binh và xã hội	4.814	66	1,37
3	Văn hóa & Thể thao	892	74	8,38
4	Thông tin và Truyền thông	68	7	9,72
5	Giáo dục & Đào tạo	1.476	78	5,28
6	Trường Cao đẳng Kiên Giang	1.628	64	3,93
	Tổng cộng	35.064	7.460	21,28

Nhìn chung công tác giải ngân 6 tháng đầu năm còn chậm do một số dự án chiếm tỷ trọng vốn lớn nhưng chưa giải ngân được như: Dự án đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh nên thiết bị nhập về chậm công trình chậm tiến độ, dẫn đến lắp đặt chưa hoàn thành nên chưa thanh toán giải ngân vốn; Dự án Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng, Trung tâm Y tế huyện Giang Thành chưa đấu thầu được gói thi công xây dựng để thực hiện tạm ứng hợp đồng và giải ngân vốn; Các Dự án nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me và Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 dự kiến đến quý III/2021 mới triển khai đấu thầu gói thi công xây dựng nên 6 tháng đầu năm chưa giải ngân được.

Ước thực hiện đến 30/6/2021, vốn bố trí mới 2021 sẽ giải ngân được khoảng 98.590/345.234 triệu đồng đạt 28,5% kế hoạch năm. Riêng vốn chuyển nguồn năm 2020 sang 2021 sẽ giải ngân khoảng 29.500/35.064 triệu đồng đạt 84% trên tổng số vốn chuyển nguồn.

Ước thực hiện đến 31/12/2021, vốn bố trí mới 2021 sẽ giải ngân được khoảng 305.734/345.234 triệu đồng đạt 88,5% kế hoạch năm (do dự án Trung tâm Y tế huyện Giang Thành không đấu thầu kịp trong năm; Bệnh viện Ung Bướu quy mô 400 giường đang chờ chủ trương phát sinh, xử lý kỹ thuật và Dự án nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm tại Phú Quốc còn 02 gói thầu thiết bị chưa được triển khai thực hiện đấu thầu).

Đối với các dự án khả năng không giải ngân hết vốn, Ban quản lý sẽ có văn bản đề nghị điều chuyển nội bộ và bổ sung vốn đối với các dự án đang có nhu cầu để đảm bảo cân đối vốn giữa các dự án và đạt mục tiêu đến 31/12/2021 hoàn thành giải ngân đạt 100% kế hoạch. Riêng vốn chuyển nguồn năm 2020

sang 2021 sẽ giải ngân khoảng 32.500/35.064 triệu đồng đạt 92,7% trên tổng vốn chuyển nguồn, số vốn còn lại thừa do một số công trình đã quyết toán.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Lĩnh vực Y tế

- Dự án Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng, Sở Xây dựng đã thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng tại Công văn số 716/SXD-QLXD ngày 22/4/2021, dự án phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 190 tỷ đồng thành 356,955 tỷ đồng. Ban quản lý dự án đã dự thảo đầy đủ hồ sơ pháp lý cho Chủ đầu tư trình điều chỉnh chủ trương đầu tư. Chủ đầu tư phải thực hiện thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định để đủ cơ sở thực hiện đấu thầu xây dựng và giám sát xây dựng công trình.

- Dự án Trung tâm y tế huyện Giang Thành, lấy theo suất đầu tư của dự án Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng nên dự án phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 160 tỷ đồng thành 324,290 tỷ đồng. Vì vậy, phải điều chỉnh dự án tăng tổng mức đầu tư, dự kiến không triển khai thực hiện đấu thầu xây dựng được trong năm

- Dự án Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường, quá trình thi công phần cọc do vướng công trình hiện hữu nên phải xử lý kỹ thuật chuyển thành cọc khoan thả một số vị trí và phát sinh cừ larsen để đảm bảo biện pháp thi công. Sở Xây dựng đã trình UBND tỉnh Kiên Giang xin chủ trương phát sinh tại Công văn số 799/SXD-QLXD ngày 10/5/2021, hiện đang chờ chủ trương chấp thuận của UBND tỉnh Kiên Giang để tiếp tục thi công xây dựng.

- Dự án Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang, thiết bị đã về đến công trình, đang thực hiện việc lắp đặt thiết bị.

2. Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội

- Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang đang thực hiện thi công sàn lầu 02.

- Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm Phú Quốc đang hoàn thiện phần xây dựng và Chủ đầu tư đang trình phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa nhà thầu để thực hiện đấu thầu 02 gói thầu thiết bị còn lại của dự án.

3. Lĩnh vực Văn hóa thể thao

- Trung tâm triển lãm văn hoá nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hoá tỉnh (Bảo tàng tỉnh) đang thực hiện thi công phần móng.

- Dự án Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 đang trình điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và chuẩn bị lập HSMT.

4. Lĩnh vực Du lịch

- Dự án Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Thuận – mộ chi Sứ) đang thực hiện thi công.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây Gòn (đoạn cây Gòn – kênh 14) đang thực hiện thi công.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên



thân đề + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo) đang đấu thầu tư vấn lập thiết kế thi công và dự toán.

5. Lĩnh vực Nội vụ

- Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang đang thi công.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Hiện nay, theo quy định của Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (thay thế Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ) thì Chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Tuy nhiên, các Chủ đầu tư không có bộ phận chuyên môn và chứng chỉ hành nghề để tham mưu thực hiện làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Thực hiện theo quy định tại Luật số 62 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP vì vậy các hợp đồng ủy thác, giấy ủy quyền trước đây được ký giữa Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án không còn hiệu lực. Vì vậy, mọi vấn đề trong quá trình thực hiện dự án như: thay đổi, phát sinh, xử lý kỹ thuật...phải có ý kiến chấp thuận của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chỉ phối hợp và hỗ trợ thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Đối với lĩnh vực Y tế: Tập trung đẩy nhanh các thủ tục để triển khai đấu thầu Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng, hoàn thành công tác lắp đặt và nghiệm thu đối với thiết bị phòng mổ Hybrid, theo dõi và đôn đốc tiến độ thi công đối với Bệnh viện Ung bướu 400 giường. Đồng thời đề xuất bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng như: Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang, Bệnh viện Sản nhi, Ung bướu, Tâm thần.

- Đối với lĩnh vực Văn hóa và Thể thao: Đẩy nhanh tiến độ để đấu thầu gói xây lắp thuộc dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh. Theo dõi và đôn đốc tiến độ thi công Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn năm.

- Đối với lĩnh vực Lao động Thương binh và xã hội: Đẩy nhanh tiến độ công trình Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang và công trình Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm Phú Quốc.

- Đối với lĩnh vực du lịch: Theo dõi, đôn đốc tiến độ các công trình đang thực hiện thi công xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng gói thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công của dự án đường quanh núi Hòn Me và triển khai đấu thầu gói thi công trong quý III/2021.

V. ĐỀ XUẤT BỐ TRÍ VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Đề nghị bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020, cụ thể:

- Lĩnh vực Y tế đề xuất tăng 162.459 triệu đồng và giảm 29.500 triệu đồng:

1) Dự án Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang: khối lượng hoàn thành là 203.238 triệu đồng (đính kèm danh mục), tạm ứng giá trị hợp đồng cho các gói thầu thực hiện trong năm 2021 là 61.400 triệu đồng (tạm ứng 50% giá trị hợp đồng). Đề nghị bố trí **100.000 triệu đồng** để thực hiện thanh toán và tạm ứng cho các Nhà thầu (đủ hồ sơ để thực hiện giải ngân) trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương gia hạn thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2022 (Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định tại Công văn số 3077/VPCP-KGVX ngày 11/5/2021).

2) Dự án Bệnh viện Sản Nhi: khối lượng hoàn thành là 57.459 triệu đồng (đính kèm danh mục), đã hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán và có khả năng giải ngân hết. Đề nghị bố trí **57.459 triệu đồng** để thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành cho Nhà thầu.

3) Dự án Bệnh viện Tâm Thần khối lượng hoàn thành là **16.200 triệu đồng** (đính kèm danh mục). Đề nghị bố trí **5.000 triệu đồng** (đủ hồ sơ để thực hiện giải ngân) để thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành cho Nhà thầu.

4) Trung tâm y tế huyện Giang thành đề xuất giảm 29.500 triệu đồng do chưa đấu thầu kịp gói thi công xây dựng trong năm.

- Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội đề xuất tăng 2.341 triệu đồng, để trả nợ các công trình: Chính trang cơ sở hạ tầng khu từ trần thuộc nghĩa trang tỉnh Kiên Giang 775 triệu đồng; Nghĩa trang liệt sĩ Cây Bàng 1.200 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Vĩnh Tuy huyện Gò Quao 46 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ huyện An Minh 320 triệu đồng.

- Lĩnh vực Khoa học và công nghệ đề xuất tăng 135 triệu đồng để trả nợ quyết toán: dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và nhà công vụ-công trình trạm ứng dụng KHCN tại Phú Quốc 104 triệu đồng; Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ các huyện thị thành phố 31 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng 6 tháng cuối năm 2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Chủ đầu tư: SYT; SLĐTBXH, SVHTT, STTTT, SGĐĐT, SDL, Trường CDKG, SNV;
- ĐHDA1, ĐHDA2, KHTH, KT (để theo dõi);
- BGĐ BQL (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ntmthao.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Phước Châu

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CHUYÊN NGÀNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị : Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2021				THHT từ đầu năm đến ngày 04/6/2021		Ước THHT từ đầu năm đến ngày 30/6/2021		Ước THHT từ đầu năm đến ngày 31/12/2021		Ghi chú
						Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư							Kế hoạch năm 2021 giao đầu năm	Kế hoạch năm 2021 điều chỉnh (nếu có)	Chênh lệch								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	TỔNG SỐ													640.583	133.532	604.588	120.466	1.168.238	345.234	0	0	0	26.327	17.361	137.460	100.283	341.016	305.734	
	Nguồn vốn xã số kiến thiết													515.636	56.766	486.207	50.233	1.022.109	250.000	0	0	0	14.163	11.103	95.537	79.406	253.200	215.500	
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025													515.636	56.766	486.207	50.233	1.022.109	250.000	0	0	0	14.163	11.103	95.537	79.406	253.200	215.500	
(1)	Lĩnh vực Y tế													434.132	0	411.776	0	922.231	210.000	0	0	0	10.645	3.476	81.019	66.239	212.500	175.500	
1	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	7660261	UMT	B	100 giường	2017-2023	234, 12/10/2015; 501, 11/11/2020	190.000	190.000	2017-2023	2279, 30/10/2017 ; 1126, 1/5/2020	190.000	190.000	2.661		2.642		187.339	30.000				597	122	597	212	10.000	30.000	Phải đầu tư gói XD và GS một số HM mới giải ngân hết vốn
2	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	7660260	GT	B	100 giường	2017-2023	233, 12/10/2015; 502, 11/11/2020	160.000	160.000	2017-2023	2280, 30/10/2017	160.000	160.000	38		38		159.962	30.000				0	0	0	0	500	500	vốn giải ngân không hết sẽ điều chuyển nội bộ
3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	7742511	RG	B	400 giường	2019-2023	152, 09/7/2018; 500, 11/11/2020	761.195	761.195	2019-2023	2433, 31/10/2018	761.195	761.195	296.507		296.507		464.688	50.000				30	27	422	27	92.000	45.000	vốn giải ngân không hết sẽ điều chuyển nội bộ
4	Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	7793608	RG	B		2019-2021	255,21/10/2019; 474, 9/9/2020	245.168	245.168	2019-2021	2486, 31/10/2019	245.168	245.168	134.926		112.589		110.242	100.000				10.018	3.327	80.000	66.000	110.000	100.000	
(2)	Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội													9.000	0	8.492	0	16.000	10.000	0	0	0	0	4.460	11.000	10.000	17.200	10.000	
1	Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	7745219	RG	C		2019-2021	1523, 06/7/2018	25.000	25.000	2019-2021	2435/QĐ-UBND, 31/10/2018	25.000	25.000	9.000		8.492		16.000	10.000				0	4.460	11.000	10.000	17.200	10.000	
(3)	Lĩnh vực Văn hóa													72.504	56.766	65.939	50.233	83.878	30.000	0	0	0	3.518	3.167	3.518	3.167	23.500	30.000	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	7745211	RG	C		2019-2022	175, 30/10/2018; 478, 09/9/2020	49.616	49.616	2018-2022	2434, 31/10/2018 ; 2707, 25/11/2020	49.616	49.616	1.129		1.129		48.487	10.000				5	5	5	5	1.500	10.000	
2	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	7612699	RG	B		2017-2022	66, 31/3/2017; 513, 08/12/2020	130.000	50.000	2017-2022	2283, 30/10/2017 ; 1051, 28/4/2020; 944, 09/4/2021	130.000	50.000	71.375	56.766	64.810	50.233	35.391	20.000				3.513	3.162	3.513	3.162	22.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2021		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2021				THTH từ đầu năm đến ngày 04/6/2021		Ước THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2021		Ước THTH từ đầu năm đến ngày 31/12/2021		Ghi chú
						Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư							Kế hoạch năm 2021 giao đầu năm	Kế hoạch năm 2021 điều chỉnh (nếu có)	Chênh lệch		Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)														
B	Vốn Cân đối ngân sách												0	0	0	0	4.014	2.000	0	0	0	500	1.623	1.000	1.620	2.000	2.000		
I	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025																												
II	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025												0	0	0	0	4.014	2.000	0	0	0	500	1.623	1.000	1.620	2.000	2.000		
	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	7873599				2020-2022	1968, 19/8/2020	5.200	5.200	2020-2022	386, 11/12/2020	4.014	4.014				4.014	2.000				500	1.623	1.000	1.620	2.000	2.000		
C	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất												33.572	0	33.571	0	93.881	50.000	0	0	0	5.072	4.564	14.923	6.256	45.000	50.000		
I	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025												33.572	0	33.571	0	93.881	50.000	0	0	0	5.072	4.564	14.923	6.256	45.000	50.000		
(1)	Lĩnh vực Du Lịch												33.572	0	33.571	0	93.881	50.000	0	0	0	5.072	4.564	14.923	6.256	45.000	50.000		
	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chi Sứ)	7818474	HD	B		2019-2022	2361, 15/10/2019	59.582	59.582	2019-2022	2505, 31/10/2019	59.453	59.453	18.184		18.184		41.269	20.000			470	423	470	423	21.500	20.000		
	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây gòn (Đoạn Cây Gòn - Kênh 14)	7818817	UMT	C		2019-2021	2360, 15/10/2019	38.000	38.000	2019-2021	2503, 31/10/2019	38.000	38.000	15.000		15.000		23.000	20.000			4.601	4.141	14.453	5.833	22.000	20.000		
	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thán đê + đoạn đường UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cổng Hòn Quáo)	7833248	HD	C		2019-2021	2360, 15/10/2019	30.000	30.000	2019-2021	2504, 31/10/2019	30.000	30.000	388		387		29.612	10.000			0	0	0	0	1.500	10.000		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG												91.375	76.766	84.810	70.233	48.234	43.234	0	0	0	6.592	70	26.000	13.000	40.816	38.234		
I	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025												91.375	76.766	84.810	70.233	48.234	43.234	0	0	0	6.592	70	26.000	13.000	40.816	38.234		
(1)	Lĩnh vực Văn hóa												71.375	56.766	64.810	50.233	23.234	23.234	0	0	0	3.592	70	14.000	3.000	25.816	23.234		
	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	7612699	RG	B		2017-2022	66, 31/3/2017; 513, 08/12/2020	130.000	50.000	2017-2022	2283, 30/10/2017 ; 1051, 28/4/2020; 944, 09/4/2021	130.000	50.000	71.375	56.766	64.810	50.233	23.234	23.234			3.592	70	14.000	3.000	25.816	23.234		
(2)	Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội												20.000	20.000	20.000	20.000	25.000	20.000	0	0	0	3.000	0	12.000	10.000	15.000	15.000		
	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	7663665	PQ	B		2017-2019	67, 29/3/2017	45.000	-	2017-2021	139/QĐ-BQLKKTTP Q, 12/6/2019; 33, 27/01/2021	45.000	0	20.000	20.000	20.000	20.000	25.000	20.000			3.000	0	12.000	10.000	15.000	15.000	Còn 5 tỷ để thực hiện 2 gói thầu thiết bị	

**DANH MỤC KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
DỰ ÁN BỆNH VIỆN ĐA KHOA KIÊN GIANG**

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	2	3	4	5	6	7	8 = (3) - (5)	9
	Tổng cộng: A + B	3.520.745	3.315.371	3.196.640	3.192.971	3.669	324.105	
A	CÁC GÓI THẦU HOÀN THÀNH	3.396.863	3.311.602	3.193.625	3.192.971	654	203.238	
I	Xây dựng	1.566.986	1.530.555	1.471.616	1.470.962	654	95.370	
1	Gói thầu số 30.1: San lấp mặt bằng; phần móng khối bv và TT năng lượng pháp y; Thí nghiệm sức chịu tải của cọc	68.474	67.025	63.673	63.673	-	4.801	Đã HT
2	Gói thầu số 30.2: Khối nhà chính; TT năng lượng pháp y	1.292.869	1.272.425	1.244.426	1.244.426		48.443	Đã HT
3	Gói thầu số 30.3: Siêu thị, nhà thuốc, nhà sách, căn tin; bếp ăn từ thiện; nhà xe cấp cứu	27.672	27.672	27.574	27.574	-	98	Đã HT
4	Gói thầu số 31: Hệ thống cấp điện cho toàn khu	25.719	24.419	21.976	21.976	-	3.743	Đã HT
5	Gói thầu số 32.1A: HT cấp thoát nước toàn khu; HT giao thông nội bộ và đối ngoại; HT sân bãi đỗ xe; nhà bv; Ht cống hàng rào	73.727	67.714	56.703	56.049	654	17.024	Đã HT
6	Gói thầu số 33: Hệ thống cây xanh toàn khu	17.631	10.406	9.365	9.365	-	8.266	Đã HT
7	Gói thầu 34: Nhà nghỉ thân nhân thực tập sinh, nhà để xác.	42.882	42.882	31.315	31.315		11.567	Đang QT
8	Gói thầu 51.1B: Nhà bao che khu xử lý nước thải 1; Bể chứa nước thải 1; Nhà bao ch khu xử lý nước thải 2; Bể chứa nước thải 2	18.012	18.012	16.583	16.583	-	1.429	Đã HT
II	Thiết bị	1.829.876	1.781.047	1.722.009	1.722.009	0	107.868	
1	Gói thầu số 49: Hệ thống thang máy	48.334	48.334	43.499	43.499	-	4.835	Đã HT
2	Gói thầu 51.1C: TB xử lý nước thải 1 (giai đoạn 2)	74.873	74.873	74.873		-	-	đã QT,

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
					74.873			tất toán
3	Gói thầu số 51.2: Thiết bị xử lý nước thải 1 (giai đoạn 1-khoa Nội B)	8.766	7.896	7.105	7.105	-	1.661	Đã HT
4	Gói thầu số 56: HT PCCC; Ht vận chuyển bằng khí nén; Ht điều hòa không khí, thông gió; Ht điều khiển tự động; Tb điện tử, camera, internet; HT khí Y tế	612.569	586.446	557.124	557.124	-	55.445	Đã HT
5	Gói thầu số 58: HT chuẩn bị ống lấy mẫu máu	8.495	8.495	8.495	8.495	-	-	Đang QT
6	Gói thầu số 59: Cung cấp và lắp đặt thiết bị chẩn đoán hình ảnh	205.165	205.165	205.165	205.165	-	-	Đã HT
7	Gói thầu số 60: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng mổ-hồi sức cấp cứu	307.339	298.064	298.064	298.064		9.275	Đã HT
8	Gói thầu số 61 phần 2: thiết bị chụp mạch số hóa xóa nền	63.450	63.450	63.450	63.450	-	-	Đã HT
9	Gói thầu số 61.1: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội soi chẩn đoán	36.929	36.929	36.929	36.929		-	Đang QT
10	Gói thầu số 61.2: Cung cấp và lắp đặt thiết bị chuyên ngành	17.900	17.900	17.900	17.900	-	-	Đang QT
11	Gói thầu số 62: Cung cấp và lắp đặt ht xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch tự động	92.200	92.200	92.200	92.200	-	-	Đang QT
12	Gói thầu số 63: Cung cấp và lắp đặt thiết bị xét nghiệm	105.975	105.975	99.516	99.516	-	6.459	Đã HT
13	Gói thầu số 64.1: Cung cấp và lắp đặt thiết bị liên chuyên khoa	103.192	98.392	86.811	86.811		16.381	Đã HT
14	Gói thầu số 64.2: Cung cấp và lắp đặt thiết bị giường Y tế	49.950	44.532	44.532	44.532	-	5.418	Đã HT
15	Gói thầu số 65.2: Cung cấp thiết bị chuyên dùng khác	21.226	21.226	21.226	21.226		-	Đang QT
16	Gói thầu số 65.3: Cung cấp và lắp đặt máy siêu âm đo độ đàn hồi mô gan	5.153	5.153	5.153	5.153	-	-	Đang QT

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
17	Gói thầu số 65.4: Cung cấp và lắp đặt hệ thống PACS	26.278	23.934	19.147	19.147	-	7.131	Đã HT
18	Gói thầu số 66.1: Cung cấp và lắp đặt thiết bị tin học và thiết bị thông thường	4.917	4.917	3.654	3.654	-	1.264	Đã HT
19	Gói thầu số 66.2: Cung cấp và lắp đặt thiết bị bàn ghế, đồ gỗ, nội thất	37.167	37.167	37.167	37.167		-	Đang QT
B	CÁC GÓI THẦU ĐANG THỰC HIỆN	123.882	3.770	3.015	0	3.015	120.867	
1	Gói thầu số 70 Giám sát lắp đặt thiết bị	952	762	286		286	666	Đang thực hiện
2	Gói thầu số 76: Kiểm toán dự án	4.450	890	1.335		1.335	3.115	Đang thực hiện
3	Gói thầu số 73 Quan trắc biến dạng công trình	2.789	1.395	1.394		1.394	1.395	Đang thực hiện
4	Gói thầu số 51.1E: Thiết bị xử lý rác thải	113.440	0	0		0	113.440	Đang thực hiện
5	Gói thầu Giám sát gói thầu số 51.1E Thiết bị xử lý rác thải	442	0	0		0	442	Đang thực hiện
6	Gói thầu số 77 Di dời bệnh nhân, trang thiết bị y tế thông thường	1.809	724	0		0	1.809	Đã HT

**DANH MỤC KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
DỰ ÁN BỆNH VIỆN SẢN NHI KIÊN GIANG**

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	2	3	4	5	6	7	8 = (3) - (5)	9
	Tổng cộng: I + II	765.106	751.060	704.400	703.347	1.053	60.706	
A	CÁC GÓI THẦU HOÀN THÀNH	760.806	751.060	703.347	703.347	0	57.459	
I	Xây dựng	652.261	642.918	598.876	598.876	0	53.385	
1	Gói thầu số 11: Xây dựng công trình Khối nhà chính, hành lang nối giữa Khoa nội B và Bệnh viện đa khoa tỉnh; Nhà đặt máy hạ thế, máy phát điện dự phòng, máy bơm nước chữa cháy, trục điện nước, trung tâm oxy; Hệ thống cấp, thoát nước khối nhà chính.	495.695	486.352	455.516	455.516	-	40.179	Đang QT
2	Gói thầu số 35: Hệ thống khí y tế trung tâm; Hệ thống điện lạnh, thông gió; Hệ thống điện khối nhà chính (gồm cấp điện và các mạng điện nhẹ); Hệ thống PCCC, chống sét, báo cháy tự động. Thiết bị PCCC; Hệ thống vận chuyển bằng khí nén; Hệ thống nước nóng trung tâm; Hệ thống rửa tay tiết trùng.	156.566	156.566	143.360	143.360		13.206	Đang QT
II	Thiết bị	108.545	108.142	104.471	104.471	0	4.074	
1	Gói thầu số 34: Thiết bị, đầu tư cho phòng mổ; thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ hội trường.	67.489	67.086	67.086	67.086	-	403	Đang QT
2	Gói thầu số 36: Thang máy tải hàng, thang máy tải khách, thang máy băng ca.	23.368	23.368	21.368	21.368	-	2.000	Đang QT
3	Gói thầu số 37.1: Máy phát điện dự phòng 2x1000 KVA	15.198	15.198	14.772	14.772	-	426	Đang QT
4	Gói thầu số 39.1: Bộ chữ, bảng tên hướng dẫn, tên phòng	2.490	2.490	1.245	1.245		1.245	Đang QT
B	CÁC GÓI THẦU ĐANG THỰC HIỆN	4.300	0	1.053	0	1.053	3.247	

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	Gói thầu số 39.2: Thiết bị nhà bếp.	2.193	0	0	0	0	2.193	Đang thực hiện
2	Gói thầu số 53: Kiểm toán dự án	2.107	0	1.053	0	1.053	1.054	Đang thực hiện

DANH MỤC KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
DỰ ÁN BỆNH VIỆN TÂM THẦN

STT	Tên gói thầu	Giá Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng	KLHT	Tổng giá trị đã giải ngân			Giá trị còn lại của gói thầu đề nghị bố trí vốn năm 2021	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	2	3	4	5	6	7	8 = (3) - (5)	9
	Tổng cộng: I + II	69.658	65.954	53.457	53.457	0	16.201	
I	Xây dựng	50.711	48.956	40.052	40.052	0	10.659	
1	Gói thầu số 17a: Khối Hành chánh; Khối Kỹ thuật Nghiệp vụ, Khám bệnh; Khối Điều trị; Khoa Dinh dưỡng; Khoa Chống nhiễm khuẩn; Hội trường, Phòng Thể chất; Cầu nối các khoa; Nhà xe; Đường Giao thông cụm 03 Bệnh viện; Hàng rào song sắt + Cổng điện tử; Hệ Thống cấp, thoát nước; Hệ Thống cấp điện chiếu sáng toàn khu; Sân Bê tông; Đường Bê tông; Lát gạch vỉa hè; Hệ Thống đường ống PCCC toàn khu; Bể chứa nước 300m3 (03 Bệnh viện); Đài nước.	50.711	48.956	40.052	40.052	-	10.659	Đã HT
II	Thiết bị	18.947	16.998	13.405	13.405	0	5.542	
1	Gói thầu số 25: Thiết bị Y tế: Phần 1: Khoa khám bệnh; Phần 2: Khoa xét nghiệm; Phần 3: Khoa điều trị phục hồi chức năng.	5.038	4.534	3.240	3.240	-	1.798	Đã HT
2	Gói thầu số 26: Thiết bị Y tế: Phần 1: Khoa chuẩn đoán hình ảnh; Phần 2: Khoa dược; Phần 3: Khoa dinh dưỡng.	7.870	6.425	5.783	5.783	-	2.088	Đã HT
3	Gói thầu số 27: Thiết bị Y tế: Phần 1: Khoa ngoại; Phần 2: Khoa chống nhiễm khuẩn.	6.039	6.039	4.382	4.382	-	1.657	Đã HT